

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC SỐ VÀ GIẢI PHÁP CẢI THIỆN NĂNG LỰC SỐ CỦA GIÁO VIÊN TIẾNG ANH: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN THỊ ĐIỂM – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Thị Trà Hưng

Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm – thành phố Hà Nội

Tóm tắt: Từ kết quả tổng quan một số kết quả nghiên cứu về năng lực số của nhà giáo, nghiên cứu này đề xuất khung năng lực số của giáo viên tiếng Anh và dựa vào khung đó để khảo sát thực trạng năng lực số của đội ngũ giáo viên tiếng Anh Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm – Hà Nội. Kết quả khảo sát 48 giáo viên tiếng Anh và 8 cán bộ quản lý của nhà trường cho thấy: (i) năng lực số của đội ngũ giáo viên tiếng Anh đạt mức khá với thế mạnh nổi trội là năng lực sử dụng công cụ và nền tảng số trong dạy học môn học; (ii) có sự khác biệt về năng lực số giữa các nhóm giáo viên được phân nhóm theo lứa tuổi. Những kết quả nghiên cứu này là cơ sở để đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện năng lực số của giáo viên tiếng Anh, bao gồm: phát triển năng lực số cho giáo viên tiếng Anh dựa vào năng lực số của họ; phát triển năng lực số cho giáo viên tiếng Anh bằng việc tổ chức bồi dưỡng năng lực số cho họ theo quan điểm bồi dưỡng dựa vào nhà trường; cá nhân hóa sự phát triển năng lực số cho giáo viên tiếng Anh; và quản lý phát triển năng lực số cho giáo viên tiếng Anh dựa trên dữ liệu và các công nghệ số.

Từ khóa: Dạy học tiếng Anh ở trường tiểu học; giáo viên tiếng Anh; năng lực số; năng lực số của giáo viên tiếng Anh; nâng cao năng lực số của giáo viên tiếng Anh.

Nhận bài ngày: 12.10.2025, gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 29.12.2025

Liên hệ tác giả: Lê Thị Trà Hưng; email: trahung@dttd.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế được đẩy nhanh, mở rộng bởi sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, GV tiếng Anh có vai trò tiên phong trong việc hình thành năng lực ngôn ngữ, công nghệ và văn hóa toàn cầu cho học sinh. Đặc biệt, với yêu cầu của chuyển đổi số (CĐS) trong giáo dục hiện nay, giáo viên (GV) tiếng Anh không chỉ cần có kỹ năng sử dụng công nghệ, mà còn phải có năng lực thích ứng, đổi mới phương pháp dạy học và phát triển nghề nghiệp liên tục. Theo đó, phát triển năng lực số (NLS) cho GV tiếng Anh theo yêu cầu của CĐS trong giáo dục hiện nay được đánh giá cao về tầm quan trọng cũng như mức độ ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ GV tiếng Anh và kết quả học tập tiếng Anh của học sinh (HS) tiểu học. Nói cách khác, trong môi trường giáo dục số, NLS trở thành thành phần quan trọng nhất trong các năng lực chuyên môn của GV tiếng Anh ở các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Với năng lực này, hoạt động giảng dạy của GV sẽ thúc đẩy sự tương tác giữa người dạy và người học, giúp GV và HS có thể tìm kiếm và chia sẻ thông tin, nâng cao khả năng tự học, tự giải quyết vấn đề của HS (Nguyễn Thị Ngọc Ánh, 2023). Theo Wesselink & Giaffredo (2015), GV cần được bồi dưỡng NLS như là một trong những yếu tố then chốt cho việc học tập suốt đời và cần thiết để tham gia vào xã hội ngày càng số hóa hiện nay (Wesselink & Giaffredo, 2015). Mestry, R. (2017) khẳng định cần tập trung vào các kỹ năng để GV phát triển các năng lực của công dân thế kỷ XXI, các hình thức và phương pháp dạy học mới trong giáo dục số. Agus Rofi'i, Eka Nurhidayat, Hastri Firharmawan (2023) trình bày một nghiên cứu điển hình tại Diễn đàn GV tiếng Anh ở Majalengka, tập trung vào việc nâng cao năng lực chuyên môn của GV tiếng Anh trong việc tích hợp công nghệ vào thực tiễn giảng dạy. Tuy nhiên, việc phương tiện số có được đưa vào lớp học hay không không chỉ phụ thuộc vào điều kiện kỹ thuật mà còn phụ thuộc vào kỹ năng và sự sẵn lòng của từng GV trong việc thử nghiệm các hình

thức giảng dạy mới (Sabine Seufert & Nina Scheffler, 2016).

Trên thực tế, mặc dù các trường tiểu học đã quan tâm phát triển NLS cho đội ngũ GV (ĐNGV) tiếng Anh, tuy nhiên những chương trình bồi dưỡng chính thức với thời gian không nhiều sẽ không đủ và không thật sự hiệu quả để phát triển NLS cho họ. Để hỗ trợ ĐNGV tiếng Anh trường tiểu học phát triển NLS, cần đặt ra và trả lời những câu hỏi như: GV tiếng Anh trường tiểu học cần có những NLS cụ thể nào?; thành tựu học tập (chính thức và không chính thức) liên quan đến NLS của họ như thế nào?; có sự khác biệt về NLS giữa các nhóm GV khác nhau về thâm niên công tác hay không?; biện pháp nào là hữu hiệu để hỗ trợ ĐNGV tiếng Anh của trường tiểu học phát triển NLS?... Những câu hỏi này được trả lời bằng kết quả nghiên cứu trường hợp tại Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm – một trường tiểu học đã khẳng định thương hiệu trong giáo dục tiểu học của thành phố Hà Nội.

2. NỘI DUNG

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, dữ liệu cho nghiên cứu lý luận được tìm kiếm trên Scencedirect, Web of Science và GoogleScholar. Từ khóa được sử dụng trong tìm kiếm gồm: “Giáo dục tiểu học”; “Năng lực số”; “Năng lực số của GV tiếng Anh”; “Nâng cao năng lực số cho GV tiếng Anh”. Các nghiên cứu được lựa chọn theo tiêu chí: liên quan đến vấn đề nghiên cứu; xuất bản trong vòng 10 năm trở lại.

Nghiên cứu thực tiễn được thực hiện tại Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm – Hà Nội (được thành lập theo Quyết định số 1718/QĐ-UB ngày 7/5/1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội) - là một trong những trường tiểu học ngoài công lập có quy mô, uy tín và chất lượng hàng đầu của Thủ đô. Hệ thống cơ sở vật chất của trường được đầu tư hiện đại, đồng bộ theo mô hình trường học thông minh. Toàn bộ 130 phòng học đều được trang bị điều hòa, TV cảm ứng, máy tính, bảng trượt và tủ đồ cá nhân cho học sinh.

Phương pháp khảo sát bằng phiếu học được thực hiện với 08 cán bộ quản lý (CBQL) và 42 GV tiếng Anh của Trường (như số liệu bảng 1). Phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện với 02 CBQL và 04 GV tiếng Anh của Trường.

Bảng 1. Cơ cấu mẫu khảo sát (GV tiếng Anh) trường Đoàn Thị Điểm – Hà Nội

TT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1.	Trên 45 tuổi	6	12,5
2.	35–45 tuổi	19	39,6
3.	Dưới 35 tuổi	23	47,9
4.	Trình độ Thạc sĩ	5	10,4
5.	Trình độ Đại học	43	89,6
6.	Kinh nghiệm >20 năm	5	10,4
7.	10–20 năm	15	31,3
8.	<10 năm	28	58,3

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Năng lực số của GV và năng lực số của GV tiếng Anh

Năng lực số là sự hiểu biết và kỹ năng sử dụng ICT để hoàn thành các nhiệm vụ theo mục tiêu cá nhân, nghề nghiệp và tạo ra giá trị cho xã hội (Tạ Kim Đường, 2025). Trong nghiên cứu này, khái niệm NLS của GV được hiểu là một tổ hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ mà nhà giáo cần có khi sử dụng các phương tiện kỹ thuật số và công nghệ kỹ thuật số để giải quyết vấn đề, giao tiếp, quản lý thông tin, cộng tác, tạo lập, chia sẻ thông tin trong những tình huống cụ thể của dạy học, giáo dục và hoạt động xã hội.

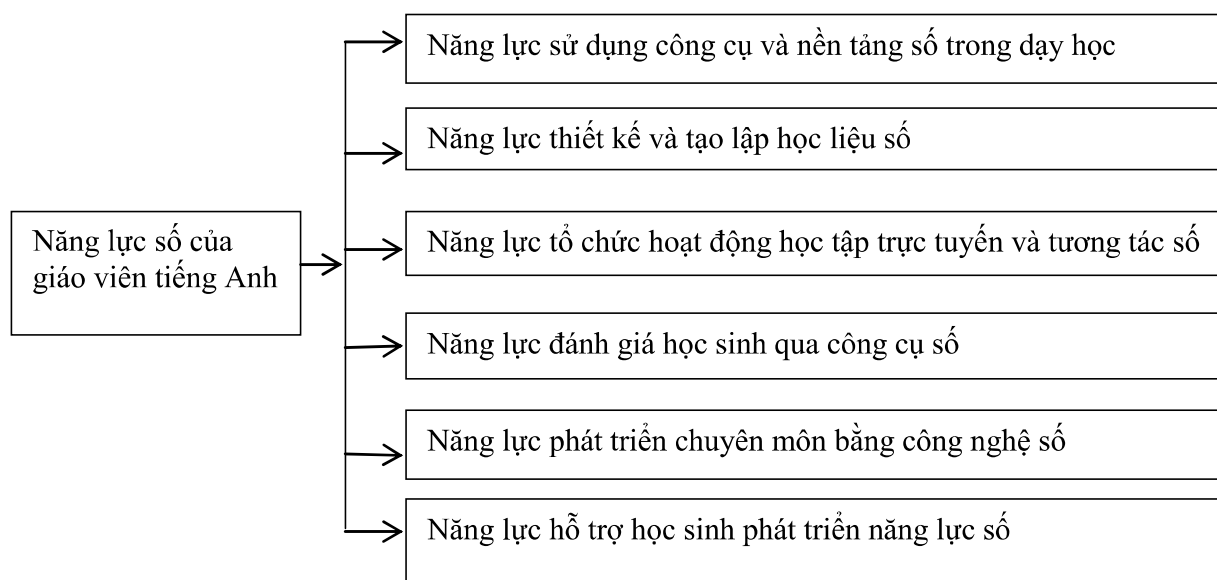
Dạy học tiếng Anh ở trường tiểu học đã và đang được thực hiện theo yêu cầu và kỹ thuật của CDS trong giáo dục nhằm giúp GV và HS tiếp cận tài liệu phong phú, thực hành kỹ năng giao tiếp linh hoạt, kết nối toàn cầu và nâng cao hiệu quả học tập toàn diện. Quá trình này không chỉ giúp GV và HS sử dụng công nghệ mà còn phát triển kỹ năng tương tác, sáng tạo và tiếp nhận thông tin trong môi trường số, từ đó HS có thể học tiếng Anh hiệu quả và thú vị hơn. Đây là một bước quan trọng trong dạy học tiếng Anh ở trường tiểu học để phát triển kỹ năng ngôn ngữ trong thế kỷ 21, giúp HS phát huy tối đa tiềm năng và ứng dụng tiếng Anh hiệu quả trong thực tế. GV tiếng Anh ở

các trường tiểu học cũng phải có NLS như NLS của GV nói chung ở mọi cấp học. Tuy nhiên, NLS của GV tiếng Anh sẽ có những sắc thái riêng bởi sự hình thành và phát triển của nó chịu tác động trực tiếp từ yêu cầu và thực tiễn dạy học môn tiếng Anh ở trường tiểu học. Theo đó, có thể hiểu: NLS của GV tiếng Anh trường tiểu học là tổ hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ của GV tiếng Anh khi sử dụng các phương tiện kỹ thuật số và công nghệ kỹ thuật số để giải quyết vấn đề, giao tiếp, quản lý thông tin, cộng tác, tạo lập, chia sẻ thông tin trong những tình huống cụ thể của dạy học môn tiếng Anh ở trường tiểu học.

Để xác định cụ thể NLS của GV nói chung, GV tiếng Anh nói riêng cần có tiếp cận cụ thể theo một hoặc một số khung NLS hiện được sử dụng ở trong nước và quốc tế. Các khung NLS được công bố tương đối đa dạng do mỗi quốc gia hoặc tổ chức quốc tế xây dựng. Trong lĩnh vực giáo dục, Liên minh Châu Âu đã xây dựng khung NLS cho nhà giáo dục với tên gọi “Digital Competence Framework for Educators” (DigCompEdu). Khung này nhằm hỗ trợ các nhà giáo dục phát triển năng lực số của họ. Nó cung cấp một cách tiếp cận có hệ thống để đánh giá và cải thiện các kỹ năng và kiến thức cần thiết để sử dụng công nghệ kỹ thuật số hiệu quả trong giảng dạy và học tập. Theo đánh giá của Falloon (2020) và Lucas và cộng sự (2021), khung này không chỉ tập trung vào kỹ năng kỹ thuật mà còn bao gồm các khía cạnh xã hội, đạo đức và chuyên môn (Falloon, 2020; Lucas và cộng sự, 2021).

Ở Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng và hoàn thiện khung năng lực số của GV với mục tiêu thiết lập chuẩn chung, toàn diện cho năng lực số của GV ở mọi cấp học trong bối cảnh chuyển đổi số. Khung năng lực số cho GV được coi là nền tảng quan trọng để chuẩn hóa và phát triển năng lực số của đội ngũ nhà giáo, hỗ trợ đào tạo tại các trường sư phạm và bồi dưỡng chuyên môn liên tục cho GV hiện đang công tác trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông trên toàn quốc. Khung năng lực số đang được đề xuất với cấu trúc logic, khoa học, và dự kiến sẽ được Bộ GD&ĐT phê duyệt, ban hành chính thức kèm hướng dẫn thực hiện trong thời gian tới. Các tổ chức, trường sư phạm sẽ cùng tham gia triển khai theo hướng dẫn này, cùng với các công cụ hỗ trợ như bộ chỉ báo, hệ thống tự đánh giá trực tuyến, học liệu mở và các chương trình tập huấn chuyên sâu để giúp GV nâng cao năng lực số của mình một cách hiệu quả.

Nghiên cứu này dựa trên kết quả cứu về khung NLS của sinh viên sư phạm (An Biên Thùy, Nguyễn Thị Lan Ngọc, & Trịnh Thị Phương Thảo, 2024) và những nghiên cứu về NLS của nhà giáo, trực tiếp là nghiên cứu của Nguyễn Lan Phương, Lê Thị Thu Hiền (2024) về khung NLS của giảng viên đại học, nghiên cứu của Tạ Kim Đường, Trần Trung Vỹ (2025) để đề xuất khung NLS của GV tiếng Anh như hình 1 dưới đây.



Hình 1. Khung năng lực số của GV tiếng Anh

2.2.2. Thực trạng năng lực số của GV tiếng Anh Trường Đoàn Thị Điểm - Hà Nội

Để đánh giá thực trạng năng lực số của GV tiếng Anh Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm – Hà Nội, một khảo sát về mức độ năng lực số của GV tiếng Anh của nhà trường đã được thực hiện. CBQL của trường được yêu cầu đánh giá về mức độ NLS của đội ngũ GV tiếng Anh của trường, các GV tiếng Anh được yêu cầu tự đánh giá về NLS của bản thân. Các đối tượng tham gia khảo sát này được giới thiệu về khung NLS của GV tiếng Anh như Hình 1, từ đó đánh giá/tự đánh giá NLS của GV tiếng Anh của trường theo thang đo Likert 5 mức (1 – Rất không thành thạo; 5 – Rất thành thạo). Kết quả thu được như số liệu bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng NLS của GV tiếng Anh Trường Đoàn Thị Điểm – Hà Nội

TT	Các năng lực số	\bar{X}	Thứ bậc
1	Sử dụng công cụ và nền tảng số trong dạy học (PowerPoint, Teams, Classroom, Zoom, Kahoot, Quizizz,...)	4,10	1
2	Thiết kế và tạo lập học liệu số (video, bài tập tương tác, e-worksheet, học liệu AI)	3,75	3
3	Tổ chức hoạt động học tập trực tuyến và tương tác qua công nghệ số	3,82	2
4	Đánh giá học sinh bằng công cụ số (Google Form, Livework sheet, Quizizz, Padlet,...)	3,68	4
5	Phát triển chuyên môn bằng công nghệ số (tham gia khóa học trực tuyến, chia sẻ chuyên môn qua mạng, tự học số)	3,60	5
6	Hỗ trợ học sinh phát triển năng lực số (an toàn mạng, học trực tuyến hiệu quả, tìm kiếm tài nguyên học tập)	3,45	6
Chung		3,73	

Từ số liệu bảng 2, cho phép rút ra những nhận xét sau:

- Năng lực số của đội ngũ GV tiếng Anh đạt mức khá ($\bar{X} = 3,73$). Trong đó:
 - + Thế mạnh nổi bật của GV tiếng Anh trường Đoàn Thị Điểm – Hà Nội là ở năng lực sử dụng công cụ và nền tảng số trong dạy học ($\bar{X} = 4,10$). Gần như toàn bộ GV tiếng Anh của trường đã quen thuộc với việc tổ chức lớp học trên Microsoft Teams, Google Classroom, sử dụng Quizizz, Kahoot, Nearpod để tạo tương tác. Trong các buổi dự giờ, nhiều GV còn áp dụng trò chơi học tập kết hợp công nghệ (gamified learning) giúp học sinh hứng thú và chủ động hơn. Một GV khối 5 chia sẻ trong phỏng vấn sâu: “Chúng tôi hầu như tiết nào dạy online cũng dùng công cụ số. Học sinh thích hoạt động qua Kahoot, Quizizz hay Blooket hơn là chỉ luyện tập trên giấy”.
 - + Các năng lực số của GV liên quan đến thiết kế học liệu số và hỗ trợ học sinh phát triển năng lực số có điểm trung bình thấp hơn (\bar{X} từ 3,45 đến 3,75). Nhiều GV vẫn phụ thuộc vào tài liệu có sẵn từ sách giáo khoa hoặc nguồn trên mạng, chưa có thói quen sáng tạo học liệu riêng phù hợp trình độ học sinh tiểu học. Ngoài ra, việc hướng dẫn học sinh sử dụng Internet an toàn, tìm kiếm thông tin, hay làm việc nhóm trực tuyến còn chưa được chú trọng đúng mức. Kết quả phỏng vấn sâu với cán bộ quản lý cũng cho thấy: “GV tiếng Anh của trường có kỹ năng tốt, nhưng phần lớn tập trung vào công cụ dạy học. Việc hình thành năng lực số cho chính học sinh – như kỹ năng tìm kiếm, giao tiếp số, hay bảo mật thông tin – thì còn yếu.”

+ Về phát triển chuyên môn qua công nghệ, mức điểm 3,60 phản ánh xu hướng tích cực nhưng chưa ổn định. Dù nhiều GV đã tự học trên các nền tảng như Microsoft Learn, song chưa có cơ chế đánh giá, ghi nhận hoặc lan tỏa kết quả học tập này trong tổ chuyên môn.

- Kết quả khảo sát về mặt định lượng như trên cho thấy tín hiệu tích cực, phản ánh nỗ lực của nhà trường trong việc bồi dưỡng đội ngũ và khuyến khích GV ứng dụng công nghệ vào giảng dạy. Năng lực số của đội ngũ GV tiếng Anh đạt mức khá, nền tảng vững, có khả năng ứng dụng công nghệ trong dạy học. Tuy nhiên, năng lực thiết kế học liệu số, đánh giá học sinh bằng dữ liệu số, và

hỗ trợ học sinh phát triển kỹ năng số còn hạn chế, cần được ưu tiên trong các chương trình bồi dưỡng GV tiếng Anh về NLS.

Mức độ năng lực số của GV tiếng Anh Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm – Hà Nội có sự khác biệt giữa các nhóm GV phân nhóm theo lứa tuổi. Kết quả thể hiện qua số liệu bảng 3.

Bảng 3. So sánh năng lực số giữa GV tiếng Anh dưới 35 tuổi và từ 35 tuổi trở lên

TT	Các năng lực số	> 35 tuổi		< 35 tuổi	
		N	\bar{X}	N	\bar{X}
1	Sử dụng công cụ và nền tảng số trong DH (PowerPoint, Teams, Classroom, Zoom, Kahoot, Quizizz,...)	25	3,85	23	4,35
2	Thiết kế và tạo lập học liệu số (video, bài tập tương tác, e-worksheet, học liệu AI)	25	3,55	23	3,95
3	Tổ chức hoạt động học tập trực tuyến và tương tác qua công nghệ số	25	3,78	23	3,88
4	Đánh giá HS bằng công cụ số (Google Form, Liveworksheet, Quizizz, Padlet,...)	25	3,62	23	3,75
5	Phát triển chuyên môn bằng công nghệ số (tham gia khóa học trực tuyến, chia sẻ chuyên môn qua mạng, tự học số)	25	3,35	23	3,80
6	Hỗ trợ HS phát triển năng lực số (an toàn mạng, học trực tuyến hiệu quả, tìm kiếm tài nguyên học tập)	25	3,30	23	3,55
Chung		25	3,57	23	3,88

Kết quả bảng 3 cho thấy sự khác biệt về mức độ năng lực số của hai nhóm GV tiếng Anh Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm – Hà Nội (nhóm GV có độ tuổi dưới 35 và nhóm GV có độ tuổi trên 35). Nhìn chung, nhóm GV dưới 35 tuổi đạt điểm trung bình năng lực số cao hơn ($\bar{X} = 3,88$) so với nhóm trên 35 tuổi ($\bar{X} = 3,57$). Mức chênh lệch này tuy không quá lớn, nhưng phản ánh xu hướng khác biệt thể hệ trong việc tiếp cận và sử dụng công nghệ số trong dạy học. Cụ thể:

- Về sử dụng công cụ và nền tảng số, nhóm GV trẻ có điểm trung bình 4,35 – cao hơn nhóm lớn tuổi 0,5 điểm. Đây là nhóm năng lực nổi trội nhất của GV trẻ, thể hiện sự linh hoạt và khả năng tiếp cận nhanh với các công cụ như Microsoft Teams, Kahoot, Quizizz, hay Canva. Trong khi đó, nhóm GV có thâm niên lâu năm thường sử dụng thành thạo PowerPoint, song còn dè dặt trong việc khai thác các ứng dụng mới hay tích hợp đa nền tảng.

- Ở kỹ năng thiết kế học liệu và phát triển chuyên môn bằng công nghệ, mức độ chênh lệch lần lượt là 0,4 và 0,45 điểm, tiếp tục nghiêng về nhóm trẻ. Điều này cho thấy nhóm GV trẻ chủ động hơn trong việc tạo video, bài tập tương tác hay tham gia các khóa học trực tuyến (như Microsoft Learn, Coursera, FutureLearn,...).

- Các kỹ năng tổ chức hoạt động học tập trực tuyến và đánh giá học sinh qua công cụ số giữa hai nhóm không có sự khác biệt đáng kể (chênh lệch dưới 0,15 điểm). Điều này phản ánh quá trình bồi dưỡng công nghệ đồng bộ trong toàn tổ chuyên môn đã giúp phần lớn GV, dù ở độ tuổi nào, đều có năng lực tương đối vững trong việc tổ chức lớp học số và sử dụng công cụ đánh giá trực tuyến.

- Năng lực hỗ trợ học sinh phát triển kỹ năng số vẫn là điểm yếu chung của cả hai nhóm, với mức điểm trung bình 3,55 ở nhóm trẻ và 3,30 ở nhóm lớn tuổi. Mặc dù nhóm trẻ có xu hướng chủ động hơn trong việc hướng dẫn học sinh tìm kiếm và sử dụng tài nguyên học tập trực tuyến, nhưng nội dung này vẫn chưa được coi là trọng tâm trong kế hoạch dạy học.

Kết quả này cho thấy sự phân hóa thể hệ trong năng lực số của đội ngũ GV tiếng Anh. Nhóm trẻ thường tự tin, linh hoạt và tích cực ứng dụng công nghệ mới, nhóm lớn tuổi giàu kinh nghiệm sư phạm nhưng thận trọng hơn trong việc đổi mới phương pháp bằng công nghệ số. Điều này đặt ra yêu cầu cho BGH nhà trường cần thiết kế chương trình bồi dưỡng phân hóa theo nhóm tuổi, khuyến

khích mô hình “hỗ trợ đồng nghiệp – mentor nội bộ”, trong đó GV trẻ hỗ trợ kỹ năng số, còn GV kỳ cựu chia sẻ kinh nghiệm sư phạm.

Từ đó có thể khẳng định rằng, việc phát triển năng lực số của GV cần được tiếp cận theo hướng cá nhân hóa và thể hệ hóa, để mỗi GV đều có thể phát huy tối đa thế mạnh của mình trong môi trường giáo dục số.

2.3. Giải pháp cải thiện năng lực số cho GV tiếng Anh trường tiểu học

Kết quả nghiên cứu lý luận về NLS của GV tiếng Anh và kết quả nghiên cứu trường hợp về NLS của GV tiếng Anh tại Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm – Hà Nội là những gợi ý cho một số giải pháp mang tính chiến lược nhằm cải thiện NLS của GV tiếng Anh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay sau đây:

2.3.1. Phát triển năng lực số cho GV tiếng Anh dựa vào năng lực số của họ

Phát triển NLS cho GV được thực hiện bởi những con đường khác nhau, trong đó đào tạo, bồi dưỡng là con đường chủ yếu. Với GV, bồi dưỡng để phát triển nghề nghiệp (trong đó có phát triển năng lực chuyên môn) là cơ bản. Tuy nhiên, bồi dưỡng NLS cho GV tiếng Anh không đơn thuần chỉ dựa vào những mong muốn của họ về những NLS cần được bồi dưỡng. Điều quan trọng là phải xác định chính xác NLS hiện có của GV tiếng Anh để trả lời được câu hỏi: có hay không có khoảng cách giữa NLS hiện có của GV tiếng Anh với yêu cầu về NLS được đặt ra đối với họ? Nếu xuất hiện khoảng cách, có nghĩa xuất hiện nhu cầu bồi dưỡng về NLS đối với GV tiếng Anh. Khoảng cách này càng xa, bồi dưỡng NLS cho GV tiếng Anh càng mang lại hiệu quả cao. Như vậy, để phát triển NLS cho GV tiếng Anh, cần phải dựa vào NLS hiện có của họ.

Từ kết quả nghiên cứu về NLS của GV tiếng Anh Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm – Hà Nội, có thể xác định hướng phát triển NLS cho GV tiếng Anh dựa vào NLS hiện có của họ như sau:

Thứ nhất, *cải thiện năng lực sử dụng công nghệ và công cụ số trong dạy học tiếng Anh*. Điều này bao gồm việc làm chủ các nền tảng quản lý học tập (LMS), phần mềm luyện kỹ năng ngôn ngữ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ giảng dạy, và các công cụ tạo học liệu số. Theo UNESCO (2022), việc thành thạo công nghệ giúp GV tối ưu hóa thời gian giảng dạy, cá nhân hóa hoạt động học tập, và tạo ra môi trường tương tác cao hơn.

Thứ hai, *cải thiện kỹ năng thiết kế bài giảng tích hợp công nghệ*. GV cần biết lựa chọn công cụ phù hợp, kết hợp hợp lý giữa phương pháp sư phạm truyền thống và kỹ thuật dạy học số để đạt hiệu quả tối ưu. Nghiên cứu của Redecker & Punie (2017) cho thấy, khi GV được huấn luyện bài bản về thiết kế học liệu số, chất lượng giảng dạy và mức độ hứng thú của học sinh đều tăng đáng kể.

Thứ ba, *cải thiện năng lực kiến tạo môi trường học tập liên tục và khả năng thích ứng với sự đổi mới công nghệ*. Công nghệ giáo dục thay đổi rất nhanh, do đó GV phải được khuyến khích và hỗ trợ học tập suốt đời (lifelong learning). UNESCO (2019) nhấn mạnh rằng năng lực số của GV chỉ bền vững khi có hệ thống hỗ trợ cập nhật thường xuyên, đi kèm cơ chế phản hồi và chia sẻ kinh nghiệm.

2.3.1. Phát triển NLS cho GV tiếng Anh bằng việc tổ chức bồi dưỡng NLS cho họ theo quan điểm bồi dưỡng dựa vào nhà trường

Tại các trường tiểu học, GV tiếng Anh thường gặp nhiều khó khăn (ví dụ, thiếu thời gian) để tham gia một khóa học chính thức để phát triển NLS. Trong trường hợp họ tham gia được những khóa đào tạo này thì tác động của khóa học đối với cấu trúc NLS của họ cũng rất hạn chế (Richardson, 2003). Tương tự, theo nghiên cứu của Sabine Seufert & Nina Scheffler (2016), phần lớn người học học cách sử dụng phương tiện kỹ thuật số trong các tình huống học tập không chính thức (trong thực tiễn) nhiều hơn là trong các tình huống học tập chính thức, đặc biệt là các kỹ năng sử dụng phương tiện kỹ thuật số của nhà giáo phần nhiều được phát triển theo cách không chính thức trong bối cảnh thực hành giảng dạy, qua trao đổi với đồng nghiệp và thông qua sự phản ánh cá nhân có tính phê phán. Vì thế, bồi dưỡng về NLS cho GV tiếng Anh cần được thực hiện theo quan điểm bồi dưỡng dựa vào nhà trường.

Bồi dưỡng GV dựa vào nhà trường là quá trình phát triển năng lực GV ngay trong môi trường làm việc, kết hợp giữa cập nhật kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hỗ trợ liên tục từ nhà trường nhằm

nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của nhà trường. Theo đó, bồi dưỡng NLS cho GV về NLS cần thực hiện theo quan điểm này. Nói cách khác, bồi dưỡng GV về NLS cho GV tiếng Anh cần được thực hiện liên tục, hướng vào phát triển năng lực nội tại của GV, đáp ứng đòi hỏi dạy học môn tiếng Anh và sự phát triển lâu dài của mỗi GV; bồi dưỡng được tổ chức ngay tại trường học để tận dụng tối đa điều kiện và nguồn lực sẵn có của nhà trường, tập trung vào việc nâng cao, cập nhật kiến thức và kỹ năng phù hợp với chức năng nhiệm vụ hiện tại của GV. Giải pháp này giúp GV tiếng Anh phát triển toàn diện, phát huy năng lực nghề nghiệp trong thực tiễn giảng dạy môn học, đồng thời thể hiện sự đồng hành và hỗ trợ từ phía nhà trường (không chỉ qua các khóa học mà còn bằng việc thiết kế môi trường học tập, chia sẻ cơ hội và hỗ trợ về mặt tinh thần). Khi đó, nhà trường là nguồn hỗ trợ quan trọng để mỗi GV tiếng Anh của trường cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng sư phạm và chuyên môn để đáp ứng yêu cầu CĐS trong giáo dục và trong dạy học môn tiếng Anh ở trường tiểu học.

2.3.3. Cá nhân hóa phát triển năng lực số của GV tiếng Anh

Cá nhân hóa phát triển NLS của GV tiếng Anh là cần thiết nhằm đảm bảo mỗi GV có thể tự đánh giá, xác định điểm mạnh, điểm cần cải thiện của bản thân và xây dựng lộ trình phát triển phù hợp với năng lực và nhu cầu riêng biệt của họ, nhờ đó nâng cao tính chủ động và tự giác của mỗi GV trong phát triển NLS cho bản thân. Những lợi ích cụ thể của cá nhân hóa phát triển NLS của GV tiếng Anh bao gồm: (i) đảm bảo công bằng trong tiếp cận nền tảng số, thiết bị và nội dung số cho mọi GV; (ii) hỗ trợ GV tự theo dõi, phản ánh và cải tiến kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng công nghệ và phương pháp sư phạm tích hợp công nghệ; (iii) thúc đẩy văn hóa học tập chủ động, hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm trong cộng đồng GV nhà trường và cộng đồng GV tiếng Anh của trường.

Cá nhân hóa phát triển NLS của GV tiếng Anh có thể được thực hiện bởi nhiều hình thức như: (i) hướng dẫn GV tiếng Anh sử dụng mô hình TPACK để tự đánh giá, từ đó xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng về NLS cho bản thân: Theo Tạ Kim Đường, Trần Trung Vỹ (2025) mô hình này do Mishra và Koehler đề xuất vào năm 2006 dựa trên mô hình kiến thức sư phạm nội dung (Pedagogical Content Knowledge – PCK) của Shulman (1986) bằng cách bổ sung thêm yếu tố kiến thức công nghệ (Technological Knowledge - TK). Ban đầu gọi là TPCK, sau đó tên được đổi thành TPACK để nhấn mạnh đến sự hòa quyện và gắn kết giữa ba kiến thức: kiến thức công nghệ, kiến thức sư phạm và kiến thức nội dung - Technological, Pedagogical, and Content Knowledge – TPACK (Tạ Kim Đường, Trần Trung Vỹ, 2025). GV tiếng Anh sử dụng mô hình này để tự đánh giá về mức độ TPACK của bản thân bằng cách trả lời những câu hỏi liên quan đến dạy học tiếng Anh sử dụng công nghệ’ (ii) nhà trường xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về NLS có cấu trúc phù hợp với từng cấp độ NLS của GV; (iii) sử dụng mô hình từ vấn, hướng dẫn đồng nghiệp về phát triển NLS: Lãnh đạo trường lựa chọn GV có NLS cao (GV môn học khác và GV tiếng Anh), có tinh thần đổi mới làm hạt nhân nòng cốt; xây dựng mạng lưới hỗ trợ đồng nghiệp về kỹ năng số; hình thành cộng đồng học tập số (Digital PLC) nhằm chia sẻ kinh nghiệm, học liệu và ý tưởng giảng dạy qua Teams, Google Workspace, Zalo, v.v.

2.3.4. Quản lý phát triển năng lực số cho GV tiếng Anh dựa trên dữ liệu và các công nghệ số.

Cần quản lý phát triển NLS cho GV tiếng Anh dựa trên dữ liệu và các công nghệ số để giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy, tăng khả năng ứng dụng công nghệ và kỹ năng số cho GV, từ đó học sinh cũng được phát triển năng lực số và ngôn ngữ đồng bộ. Việc này còn giúp GV chủ động tổ chức hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng học tập, đồng thời sử dụng dữ liệu để đánh giá, điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp và hiệu quả hơn.

Lãnh đạo nhà trường thực hiện sự hỗ trợ và giám sát GV tiếng Anh về ứng dụng công nghệ trong thực tiễn dạy học môn học bằng những hình thức như dự giờ trực tuyến, phản hồi e-portfolio, đánh giá sản phẩm số của GV. Bên cạnh đó, nhà trường cần xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tích hợp với hệ thống quản lý nhân sự; lưu trữ kế hoạch, kết quả và các tiến bộ về NLS của GV.

3. KẾT LUẬN

GV tiếng Anh có vai trò tiên phong trong việc hình thành năng lực ngôn ngữ, công nghệ và văn hóa toàn cầu cho học sinh. Trong môi trường giáo dục số hiện nay, NLS trở thành thành phần quan

trọng nhất trong các năng lực chuyên môn của GV tiếng Anh ở các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Theo đó, phát triển NLS cho GV tiếng Anh theo yêu cầu của CĐS trong giáo dục hiện nay được đánh giá cao về tầm quan trọng cũng như mức độ ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ GV tiếng Anh và kết quả học tập tiếng Anh của học sinh.

Nghiên cứu trường hợp tại Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm – Hà Nội cho thấy, NLS của đội ngũ GV tiếng Anh đạt mức khá và có sự khác biệt về NLS giữa các nhóm GV được phân nhóm theo lứa tuổi. Để cải thiện NLS của đội ngũ GV tiếng Anh, cần thực hiện các giải pháp như: phát triển năng lực số cho GV tiếng Anh dựa vào năng lực số của họ; phát triển năng lực số cho GV tiếng Anh bằng việc tổ chức bồi dưỡng năng lực số cho họ theo quan điểm bồi dưỡng dựa vào nhà trường; cá nhân hóa sự phát triển năng lực số cho GV tiếng Anh và quản lý phát triển năng lực số cho GV tiếng Anh dựa trên dữ liệu và các công nghệ số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. An Biên Thùy, Nguyễn Thị Lan Ngọc, Trịnh Thị Phương Thảo. (2024). Đề xuất khung năng lực số cho sinh viên sư phạm tại Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 24(22), tr.1–6.
2. Falloon, G. (2020). From digital literacy to digital competence: the teacher digital competency (TDC) framework. *Educational Technology Research and Development*, 68, 2449–2472. <https://doi.org/10.1007/s11423-020-09767-4>
3. Lucas, M., Bem-Haja, P., Siddiq, F., Moreira, A., & Redecker, C. (2021). The relation between in-service teachers' digital competence and personal and contextual factors: What matters most? *Computers & Education*, 160. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2020.104052>
4. Mestry, R. (2017). Empowering principals to lead and manage public schools effectively in the 21st century. *South African Journal of Education*, 37(1), 1-11. doi:10.15700/saje. v37n1a1334.
5. Nguyễn Lan Phương, Lê Thị Thu Hiền. (2024). Phát triển năng lực số cho giảng viên đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế: Nghiên cứu trường hợp tại trường Đại học Nguyễn Tất Thành. *Tạp chí Giáo dục*, 24(9), tr.7–12.
6. Nguyễn Thị Ngọc Ánh. (2023). Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh tại Trường Đại học An Giang. *Journal of educational equipment: Education management*, 1(284). ISSN 1859-0810.
7. Redecker, C., & Punie, Y. (2017). *European framework for the digital competence of educators: DigCompEdu*. Publications Office of the EU.
8. Rofi'i, A., Nurhidayat, E., & Firharmawan, H. (2023). Teachers' Professional Competence in Integrating Technology: A Case Study at English Teacher Forum in Majalengka. *IJLECR (International Journal of Language Education and Cultural Review)*, 9(1), pp.64–73. <https://doi.org/10.21009/ijlecr.v9i1.37683>
9. Sabine Seufert & Nina Scheffler. (2016). Developing Digital Competences of Vocational Teachers. *International Journal of Digital Literacy and Digital Competence*.
10. Tạ Kim Đường, Trần Trung Vỹ. (2025). *Phát triển năng lực số cho nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp: mô hình TPACK và những ứng dụng thực tế*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia. Học viện Phụ nữ. Hà Nội.
11. UNESCO. (2019). *Unesco digital competency framework*. UNESCO. ISBN 978-92-3-100281-6.
12. UNESCO. (2022). *ICT competency framework for teachers – Version 3*. Paris: UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000379160>
13. Wesselink, R., & Giaffredo, S. (2015). Competence-based education to develop digital competence. *Encyclopaideia*, 19(42), pp.25-42.

**REALITY OF DIGITAL COMPETENCE AND SOLUTIONS TO
IMPROVE DIGITAL COMPETENCE OF ENGLISH TEACHERS: A CASE
STUDY IN PREMARY OF DOAN THI DIEM - HANOI**

Abstract: *Based on a review of several studies on teachers' digital competence, this research proposes a digital competence framework for primary English teachers and uses this framework to examine the current digital competence of English teachers at Doan Thi Diem - Hanoi Primary School. A survey of 42 English teachers and 8 school administrators reveals that: (i) the overall digital competence of the English teaching staff is at a fairly good level, with their strongest area being the ability to use digital tools and platforms in English language teaching; and (ii) there are differences in digital competence among teacher groups categorized by age. These findings serve as the basis for proposing several solutions to improve English teachers' digital competence, including: developing digital competence based on teachers' existing capabilities; enhancing teachers' digital competence through school-based professional development; personalizing digital competence development for English teachers; and managing the development of digital competence using data and digital technologies.*

Keywords: *English language teaching in primary schools; English teachers; digital competence; digital competence of English teachers; enhancing English teachers' digital competence.*